TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Đức Hơn**

2. Ông **Lữ Duy Minh**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1981. Có đơn xin xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố 7, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T có nội dung như sau:**

Bà và ông Nguyễn Quốc D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện H. T (cũ). Sau khi kết hôn, bà và ông D chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông D cảm thấy không hạnh phúc trong đời sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ thông thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn

đến cãi nhau. Ông D không lo làm ăn để phụ giúp bà T chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Vì thương các con và mong muốn níu giữ hạnh phúc gia đình, bà T đã tha thứ cho ông D cơ hội nhưng ông D không sửa đổi. Hiện nay bà và ông D còn sống chung nhà, nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Thảo yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung: Nguyễn Thị Thuý V (Giới tính: Nữ), sinh ngày 13/10/2002; Nguyễn Gia H (Giới tính: Nam), sinh ngày 12/4/2005; Nguyễn Trần Vi K (Giới tính: Nữ), sinh ngày 09/5/2013.

Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Nguyễn Trần Vi K, không yêu cầu cấp dưỡng. Riêng 02 con chung: Nguyễn Thị Thuý V và Nguyễn Gia H hiện đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D vẫn vắng mặt không lý do.

Theo kết quả xác minh về địa chỉ của ông Nguyễn Quốc D thì ông D có hộ khẩu tại khu phố 7, phường Tân An, thị xã L; Xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D: Quá trình chung sống bà T và ông D có xảy ra mâu thuẫn.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn ông D; Về con chung: Giao cho bà T nuôi con Nguyễn Trần Vi K, sinh ngày 09/5/2013, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:**

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Bị đơn ông Nguyễn Quốc D có địa chỉ tại khu phố 7, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Quốc D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Quốc D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện H.T (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 26/7/2004, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, theo bà T khai bà và ông D sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, đã cố gắng hoà giải, đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả, bà T không còn tình cảm với ông D; Về phía bị đơn ông Nguyễn Quốc D đã được triệu tập nhưng không đến Toà làm việc cũng không nộp ý kiến, tại phiên toà ông D vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Quá trình giải quyết bà T yêu cầu được nuôi 01 con chung: Nguyễn Trần Vi K, không yêu cầu cấp dưỡng. Lời khai của cháu K là xin được ở với mẹ, hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Vì vậy, giao cho bà Trần Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Nguyễn Trần Vi K (Giới tính: Nữ), sinh ngày 09/5/2013 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Riêng 02 con chung: Nguyễn Thị Thuý V và Nguyễn Gia H hiện đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu.

3.3. **Về cấp dưỡng nuôi con**: Bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.4. **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà T và ông D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn ông Nguyễn Quốc D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung: Nguyễn Trần Vi K (Giới tính: Nữ), sinh ngày 09/5/2013.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông D không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011285 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bà T, ông D biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn